

Số: /BC-STC

Hậu Giang, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Giá thị trường tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Thực hiện Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang báo cáo tình hình giá thị trường tháng 7 năm 2024 như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 7 NĂM 2024

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn:

Những tháng đầu năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều khó khăn, thách thức; xung đột quân sự leo thang tại một số quốc gia, khu vực; thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến khó lường. Tình hình phát triển kinh tế xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Hậu Giang nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn, lạm phát có xu hướng tăng, hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực phục hồi chậm, thị trường xuất khẩu hàng hóa thiếu ổn định; ... Tuy nhiên, với sự lãnh chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự quyết tâm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp các ngành; đã góp phần thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm đạt được một số kết quả đáng kể như: Tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt kết quả khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt 8,04%, đứng thứ 2 vùng đồng bằng sông Cửu Long, xếp ở nhóm cao cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, về cơ cấu trong quy mô nền kinh tế ước 6 tháng như sau: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 19,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 39,48%; khu vực dịch vụ chiếm 32,93%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,76%

Những hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hoá dịch vụ trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang diễn ra có phần sôi động, các mặt hàng thiết yếu đảm bảo nguồn cung, giá cả thị trường được kiểm soát tốt, không xảy ra hiện tượng đầu cơ, găm hàng, sốt giá làm bất ổn thị trường.

2. Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ

Nhìn chung cơ cấu nền kinh tế ước 6 đầu tháng năm 2024 có sự dịch chuyển giữa các khu vực so với cùng kỳ (cơ cấu tương ứng cùng kỳ lần lượt là 19,54%; 38,35%; 33,71%; 8,40%). Với sự chuyển biến tích cực đó đã góp phần cho đời sống của tỉnh nhà ngày càng đi lên, thu nhập của người lao động ngày được cải thiện, an sinh xã hội đảm bảo.

3. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 7 năm 2024 so tháng trước bằng 100,25%; so với kỳ gốc 2019 bằng 120,23%. Bình quân 7 tháng đầu năm 2024 so với bình quân 7 tháng đầu năm 2023 bằng 105,97%.

Nguyên nhân tăng trong tháng chủ yếu do nhóm hàng dịch vụ, hàng hoá, ăn uống ngoài gia đình, đồ uống thuốc lá, thiết bị đồ dùng gia đình, giao thông... trong tháng có chỉ số tăng so tháng trước nên làm chỉ số chung tăng.

Cụ thể chỉ số giá của các nhóm hàng chính trong tháng như sau:

NHÓM HÀNG	Chỉ số giá tháng 7 năm 2024 (%)		
	So với kỳ gốc	So với tháng trước	Bình quân cùng kỳ
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	120,23	100,25	105,97
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	126,01	99,75	106,29
1. Lương thực	148,69	99,69	126,75
2. Thực phẩm	122,80	99,65	102,82
3. Ăn uống ngoài gia đình	119,85	100,10	102,58
II. Đồ uống và thuốc lá	112,77	100,83	102,80
III. May mặc, mũ nón, giày dép	114,11	100,08	101,01
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	129,08	99,45	116,38
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,03	100,45	100,42
VI. Thuốc và Dịch vụ y tế	112,19	100,00	109,78
VII. Giao thông	113,99	101,52	102,95
VIII. Bưu chính viễn thông	100,55	100,00	100,00
IX. Giáo dục	141,81	100,12	97,96
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	101,55	99,92	100,28
XI. Hàng hóa và dịch vụ khác	121,15	105,59	105,62
<i>Chỉ số giá vàng</i>	198,13	102,35	127,12
<i>Chỉ số giá đôla Mỹ</i>	109,35	99,98	105,80

4. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: Phụ lục số 2 kèm theo.

II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU

1. Lương thực, thực phẩm:

a) Lương thực

Gạo tẻ thường giảm 0,45%; gạo tẻ ngon giảm 0,19%. Nguyên nhân giảm do đang vào mùa vụ thu hoạch lúa hè thu, lượng hàng hoá trên thị trường nhiều, giá cả các mặt hàng gạo có điều chỉnh giảm nhẹ, đồng thời giá trên thị trường xuất khẩu có sự biến động giá giảm nên giá cả trong nước cũng có phần giảm theo.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã thu hoạch xong vụ lúa Hè Thu, hiện giá lúa được các thương lái thu mua. Cụ thể, Lúa dài thơm 8 dao động từ 7.200 - 7.400đ/kg, lúa OM18 ở mức 7.200 - 7.400đ/kg, IR504 có giá 7.000 - 7.200đ/kg, lúa nàng hoa 9 dao động 7.600 - 7.700đ/kg.

Giá gạo tại hệ thống siêu thị Co.opmart trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có giá như sau: Giá gạo hiện có giá như sau: Gạo Nàng Hoa Co.op Select 25.000đ/kg, gạo thơm ST24 Coop Finest có giá 39.800đ/kg, gạo thơm thái Xuân Hồng 24.800đ/kg, gạo thơm Jasmine Coop Select giá 18.300đ/kg, gạo thơm Đài Loan Xuân Hồng 28.500đ/kg, gạo Hương Lài Thiên Kim VP giá 20.300đ/kg...

b) Thực phẩm

Bình quân chỉ số giá nhóm hàng này trong tháng 7 năm 2024 có giảm nhẹ so tháng trước, cụ thể:

- Thịt lợn giảm 0,05%; nội tạng động vật giảm 1,78%. Nguyên nhân giảm là do sức mua của người tiêu dùng thấp, nguồn cung dồi dào nên giá giảm.

- Thịt gia cầm giảm 1,48%; thịt gia cầm khác giảm 2,33%; thịt gà giảm 0,75%; trứng các loại giảm 4,43%. Nguyên nhân giảm do lượng hàng hoá trên thị trường nhiều, nhu cầu tiêu thụ không cao, nên giá giảm.

Diễn biến cụ thể trong tháng 7: giá heo hơi ở mức 62.000 - 65.000đ/kg (*giảm 5.000đ/kg*); thịt heo thăn có giá 110.000 - 120.000đ/kg (*giảm 10.000đ/kg*); thịt heo ba rọi 100.000 - 110.000đ/kg (*giảm 10.000đ/kg*). Gà ta làm sẵn nguyên con có giá 110.000đ/kg; vịt làm sẵn nguyên con dao động từ 65.000 - 75.000 đ/kg; thịt thăn bò có giá 180.000đ/kg, bò phi lê dao động từ 180.000 - 220.000đ/kg...

Giá các loại trứng ổn định, cụ thể: Trứng vịt có giá dao động từ 30.000 - 35.000đ/chục 10 quả, hiện trứng gà ta có giá 35.000 - 40.000đ/chục 10 quả.

Hiện tại các mặt hàng rau củ quả thiết yếu trong tháng cũng có biến động tùy loại và tùy địa phương, cụ thể như: bắp cải 11.900đ/kg (*giảm 1.000đ/kg*), bí đỏ 15.500đ/kg (*giảm 3.500đ/kg*), bí xanh 18.000/kg (*tăng 2.000đ/kg*), cà rốt 18.500đ/kg (*giảm 3.000đ/kg*), cải ngọt 18.000đ/kg (*ổn định*); khổ qua 22.000đ/kg (*ổn định*), khoai tây 25.000đ/kg (*giảm 2.000đ/kg*), dưa leo 15.000đ/kg (*ổn định*),

bầu 16.000đ/kg (tăng 2.000đ/kg), cà chua 25.900đ/kg (ổn định), bắp cải 16.900đ/kg (ổn định), su su 16.900đ/kg...

Mặt hàng thủy, hải sản trong tháng 7 có giá, cụ thể: Cá lóc nuôi từ 45.000 - 50.000đ/kg, cá lóc đồng dao động từ 100.000 - 120.000đ/kg, cá điêu hồng 45.000 - 50.000đ/kg, cá chép, cá basa có giá 55.000đ/kg, vịt xiêm 85.000 - 90.000đ/kg, vịt ta 65.000 - 70.000đ/kg, tôm sú ướp lạnh cỡ 30-40 con/kg có giá 220.000đ/kg, cá thu 150.000đ/kg, cua biển tươi còn sống (cua thịt) 280.000đ/kg, cua gạch có giá 450.000đ/kg.

Giá một số mặt hàng thực phẩm công nghệ có giá, cụ thể: đường tinh luyện Biên Hòa loại 1kg có giá 28.500đ/gói, đường kính trắng RS Coop Happy loại 1kg có giá 26.500đ/kg, đường tinh luyện RE CoopSelect 500g có giá 14.900đ/gói, bột ngọt Ajinomoto loại 454g giá 34.400đ/bịch; bột ngọt Aji-nagon 400g có giá 34.400đ/bịch; nước mắm Liên Thành nhãn ngọc 600ml có giá 71.000đ/chai; dầu ăn Neptune chai nhựa 2 lít có giá 132.000đ/chai.

Nước giải khát: Pepsi lon cao 24x330ml giá 190.000 đồng/thùng; Fanta lon cao 24x330ml giá 89.000 đồng/thùng; Coca cola lon cao 24x320ml có giá 198.000 đồng/thùng; Sprite chanh 12 lon 320ml có giá 89.000đ/thùng...

Giá một số loại bia: Bia Heineken 24lonx330ml giá dao động 390.000 - 400.000 đồng/thùng; Bia Ruby thùng 24x330ml có giá 199.000 đồng/thùng; Bia SG Lager thùng 24lonx330ml giá là 235.000 đồng/thùng; Bia Tiger 24lonx330ml có giá 350.000 đồng/thùng...

1.2. Vật tư, vật liệu xây dựng

Trong tháng 7/2024 giá xăng dầu có 4 lần điều chỉnh giá. Gồm 1 lần tăng và 3 lần giảm. Trong kỳ điều hành ngày 25/7/2024 giá xăng dầu được điều chỉnh giảm như sau:

Xăng A95III có giá 23.330đ/lít (giảm 300đ/lít), xăng E5 là 22.330đ/lít (giảm 320đ/lít), dầu diesel 20.590đ/lít (giảm 320đ/lít).

Giá Gas: Trong tháng 7/2024 giá gas được giữ ổn định so với tháng trước, hiện tại giá gas trong tháng có giá bán ra, cụ thể: gas Petimex 352.500đ/bình 12kg; gas Gas Total: 444.500đ/bình 12 kg.

Giá phân bón, cụ thể: DAP xanh (Hồng Hà) có giá 24.000 đồng/kg; Đạm Cà Mau 10.600đ/kg; DAP Đình Vũ giá 17.000 đồng/kg; NPK Bình Điền 13.300đ/kg.

Giá vật liệu xây dựng có giá, cụ thể: giá bán lẻ Xi măng PCB40 Tây Đô đa dụng có giá 83.000 đồng/bao/50kg; Sắt 6 Tây Đô thép cuộn có giá 18.700đ/kg; sắt 8 Tây Đô 19.000đ/kg; sắt 10 Tây Đô 110.000đ/cây 11.7m, sắt 12 Tây Đô

156.000đ/cây 11.7m; sắt 14 Tây Đô 213.000đ/cây 11.7m; sắt 16 Tây Đô 276.000đ/cây 11.7m; sắt 18 Tây Đô 353.000đ/cây 11.7m.

2. Dịch vụ giao thông công cộng

Giá dịch vụ giao thông công cộng trong tháng ổn định, cụ thể: tuyến Vị Thanh - Cần Thơ giá vé 55.000đ/hk; Vị Thanh - TP. Hồ Chí Minh giá vé 150.000đ/hk; Vị Thanh - Vũng Tàu: 180.000đ/hk; Xe Phương Trang chất lượng cao tuyến Vị Thanh - TP Hồ Chí Minh có giá 175.000đ/hk.

3. Giá vàng và đô la Mỹ

Hiện tại giá vàng trong tháng 7/2024 biến động tăng 100.000đ/chỉ, mua vào từ 7.546.000đ/chỉ, bán ra 7.736.000đ/chỉ

Tỷ giá Dollar Mỹ trong tháng giảm 185đ/USD so với tháng trước, hiện có giá như sau: mua vào là 25.030đ/USD, bán ra ở mức 25.280đ/USD.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

1. Thực hiện Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, UBND tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 về ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá (*nếu có*): Không có

3. Công tác định giá của các Bộ, địa phương: Không có

4. Tình hình thực hiện kê khai giá: Trong tháng Sở Tài chính đã tiếp nhận tổng số 13 văn bản kê khai giá bằng văn bản giấy và 7 đơn vị thực hiện kê khai trên phần mềm cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh đối với lĩnh vực kinh doanh gas, xăng dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra hồ sơ kê khai giá của các cơ sở kinh doanh cho thấy mức giá bán và biểu mẫu tương đối phù hợp với quy định.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá: Không có

6. Các nội dung liên quan khác: Khảo sát điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc hàng hóa vụ Hè Thu năm 2024.

IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Các mặt hàng lương thực, thực phẩm trong tháng tới tiếp tục biến động do ảnh hưởng các mặt hàng xăng dầu biến động.

Giá vàng, USD, giá gas, xăng dầu tiếp tục biến động do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới.

Tiếp tục công tác thu thập và cập nhật tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 7/2024 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang kính báo đến Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Cục QL giá (Văn phòng A, B);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, LĐTĐ, TNMT, XD, TTTT, NN&PTNT, GTVT;
- Sở TC các tỉnh;
- Lưu: VP, QLGCSDN._{HT}

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Kim Loan